

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;*

*Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Aiden
Việt Nam ngày 28 tháng 11 năm 2024 và hồ sơ gửi kèm;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
34/TTr-STNMT ngày 17 tháng 01 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Aiden Việt Nam, địa chỉ tại lô đất L5, Khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất, chế tạo và lắp ráp các bộ phận, chi tiết, linh kiện và sản phẩm điện và điện tử; các loại khuôn mẫu và sản phẩm, bộ phận ép dập tại lô L5, Khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở

1.1. Tên Cơ sở: Nhà máy sản xuất, chế tạo và lắp ráp các bộ phận, chi tiết, linh kiện và sản phẩm điện và điện tử; các loại khuôn mẫu và sản phẩm, bộ phận ép dập.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô L5, Khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0800352836 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần

đầu ngày 14/11/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 20/10/2022; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 5471080747 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 14/11/2006, chứng nhận thay đổi lần thứ mười lăm ngày 26/5/2022.

1.4. Mã số thuế: 0800352836.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: Sản xuất bản mạch in PCB, các sản phẩm điện và điện tử; sản xuất các bộ phận, chi tiết, linh kiện điện và điện tử; thiết kế, lập bản vẽ thiết kế và dữ liệu CAD, CAM cho khuôn của các sản phẩm bằng nhựa và kim loại; gia công các bộ phận, chi tiết, linh kiện và điện tử.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích sử dụng: 19.748 m².

- Công suất:

+ Sản xuất bảng mạch in PCB, các sản phẩm điện và điện tử: 18.000.000 bộ/năm;

+ Sản xuất bộ phận, chi tiết, linh kiện điện và điện tử: 36.000.000 bộ/năm;

+ Sản xuất, gia công và lắp ráp các linh kiện ô tô: 780.000 sản phẩm/năm;

+ Gia công các bộ phận, chi tiết, linh kiện điện và điện tử: 3.000.000 chiếc/năm;

+ Doanh thu từ hoạt động thiết kế, lập bản vẽ thiết kế và dữ liệu CAD, CAM cho khuôn của các sản phẩm bằng nhựa và kim loại: 4.500.000 USD/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Aiden Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Aiden Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

Điều 3: Thời hạn của Giấy phép: 07 năm, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Aiden Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các khu công nghiệp;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- UBND thành phố Hải Dương;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 142/GPMT-UBND

ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Nam Sách, không thải trực tiếp ra môi trường).

- Đã ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải số 04/2009/XLNT/NQ-NS ngày 01/3/2009 với Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang (là chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Nam Sách).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh và nước thải nhà bếp sau khi xử lý sơ bộ được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D250, dài 345 m, độ dốc 0,33% tự chảy vào hố ga nước đầu vào kích thước 7,5 m x 3,4 m x 4,0 m và được bơm lưu lượng 15 m³/h bơm về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 108 m³/ngày đêm của Cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Công trình xử lý nước thải sơ bộ:

10 bể tự hoại tổng thể tích 240 m³; 01 bể tách dầu mỡ kích thước 3,0 m x 2,0 m x 2,0 m (12 m³).

* Công trình xử lý nước thải chung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, nước thải từ nhà ăn ca sau bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể màng MBR → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Nam Sách.

- Công suất thiết kế hệ thống: 108 m³/ngày đêm.

- Thông số kỹ thuật các bể: Bể điều hòa 1: 57,6 m³ (4,8 m x 4,0 m x 3,0 m); bể điều hòa 2: 27,6 m³ (2,3 m x 4,0 m x 3,0 m); bể sinh học thiếu khí 1: 64,8

m³ (5,4 m x 4,0 m x 3,0 m); bể sinh học thiếu khí 2: 19,38 m³ (3,4 m x 1,9 m x 3,0 m); bể màng MBR (D x H = 8,0 m x 3,02 m); bể chứa bùn 1: 12,54 m³ (2,2 m x 1,9 m x 3,0 m); bể chứa bùn 2: 24 m³ (2,0 m x 4,0 m x 3,0 m).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Ri mật 10 g/m³ nước thải; Javen 0,1 lít/m³ nước thải; hoá chất rửa màng NaOCl 0,2 lít/lần rửa/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

+ Định kỳ kiểm tra các đường ống dẫn nước thải, kiểm tra các bơm, hệ thống điện, kiểm tra hoạt động của các thiết bị trong hệ thống.

+ Bố trí nhân viên vận hành đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình và ghi nhật ký vận hành hệ thống.

+ Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

+ Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy thổi khí (01 máy lưu lượng 6,28 m³/phút); máy bơm nước thải (01 máy kiểu bơm chìm, lưu lượng 12 m³/h, H = 9,0 m) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

+ Lập hồ sơ nhật ký giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời để phát hiện sự cố.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại Nhà máy hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng nước thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

+ Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận sẽ tiến hành ngưng hoạt động của hệ thống và tiến hành kiểm tra, sửa chữa. Trong thời gian khắc phục sự cố, nước thải được lưu giữ tại hệ thống bể xử lý; Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý trong trường hợp các bể xử lý không đủ khả năng lưu chứa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Theo khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì công trình xử lý nước thải của Nhà máy không phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn đầu vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Nam Sách.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Trong quá trình xả thải vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Nam Sách nếu có sự cố bất thường, phải báo cáo kịp thời về Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang để có biện pháp xử lý.

3.4. Công ty TNHH Aiden Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 142/GPMT-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ khu vực hàn tay.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ khu vực lò sấy.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ khu vực lò hàn.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn tay, lò sấy, lò hàn - lưu lượng 10.000 m³/h.

2.1. Vị trí xả khí thải

Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^o30', múi chiều 3^o):

$$X(m) = 2319281; Y(m) = 590582.$$

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Gián đoạn - theo ca làm việc (16h/24h).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, mức B với $K_p = 1,0$; $K_v = 0,8$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	-	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	CO	mg/Nm ³	800		
3	SO ₂	mg/Nm ³	400		
4	NO _x	mg/Nm ³	680		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

Khí thải phát sinh từ khu vực hàn tay, khu vực lò sấy và khu vực lò hàn qua chụp hút được quạt hút vào các ống dẫn khí chất liệu tôn mạ kẽm, trên đường ống dẫn khí có lắp đặt các tấm bông lọc than hoạt tính để hấp phụ. Khí sạch thoát ra ngoài môi trường qua ống thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống tôn mạ kẽm → Hộp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thải ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/h.

- Thông số kỹ thuật: 50 chụp hút chất liệu tôn mạ kẽm đường kính Φ100 - Φ300 mm; đường ống thu gom chất liệu tôn mạ kẽm D10 - D20 dài 100 m; 01 quạt hút công suất 3 kw, lưu lượng 10.000 m³/h; 01 ống thải chất liệu tôn mạ kẽm kích thước D200 dài 4,0 m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Bông lọc than hoạt tính 50 kg/lần thay, tần suất thay 03 tháng/lần.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, phòng ngừa ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Trang bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng như: chụp hút, quạt hút.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải để kịp thời khắc phục các sự cố bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố, dừng hoạt động sản xuất tại khu vực bị hư hỏng, kiểm tra hệ thống xử lý khí thải và chỉ hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Theo khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì công trình xử lý khí thải của cơ sở không phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Công ty TNHH Aiden Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục III

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 142/GPMT-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực lắp ráp.
- Nguồn số 02: Khu vực hàn sóng (lò hàn).
- Nguồn số 03: Khu vực máy sấy khí.
- Nguồn số 04: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải.
- Nguồn số 05: Khu vực máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tọa độ nguồn số 01: X(m) = 2319356; Y(m) = 590522.
- Tọa độ nguồn số 02: X(m) = 2319240; Y(m) = 590521.
- Tọa độ nguồn số 03: X(m) = 2319342; Y(m) = 590528.
- Tọa độ nguồn số 04: X(m) = 2319281; Y(m) = 590582.
- Tọa độ nguồn số 05: X(m) = 2319281; Y(m) = 590589.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.
- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại.
- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng với tần suất 03 tháng/lần.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục IV

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 142/GPMT-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác (IPA...)	Lỏng	17 08 03	65.384	NH
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	11.920	KS
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	274	NH
4	Bao bì cứng bằng nhựa có chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	2.460	KS
5	Bao bì cứng bằng kim loại có chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	3.500	KS
6	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	Rắn	19 02 06	8.932	NH
	Tổng			92.470	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Bìa carton	Rắn	147.098	18 01 05
2	Nylon	Rắn	9.134	11 02 04
3	Nhựa	Rắn	53.702	18 01 06

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
4	Gỗ và palet gỗ	Rắn	34.392	11 02 02
5	Sắt	Rắn	40.500	-
6	Đồng vàng	Rắn	1.000	-
7	Nhôm	Rắn	2.000	05 02 13
8	Chân đồng	Rắn	1.800	-
9	Dây điện	Rắn	500	-
10	Chân linh kiện ngắn	Rắn	2.000	-
11	Chân linh kiện dài	Rắn	2.000	-
12	Xi hàn thiếc	Rắn	18.000	-
13	Bavia, bo mạch thải	Rắn	80.000	-
14	Rác thải công nghiệp khác (xốp, giấy vụn rách...)	Rắn	42.000	-
15	Bùn thải từ bể phốt	Bùn	150.000	12 06 13
	Tổng		584.126	

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 120 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy với dung tích 100 lít/thùng được dán tên và mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho chứa: 40 m² nằm trong khu chứa chất thải chung.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch, nền láng xi măng chống thấm, có cửa ra vào kiểm soát, được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa), có rãnh, hố thu chất thải lỏng, khay chống tràn sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

Chất thải nguy hại phải được phân định, phân loại, lưu chứa, thu gom, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 10 - 110 lít/thùng.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho chứa: 160 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng chống thấm, có cửa ra vào kiểm soát.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 20 - 120 lít/thùng.

- Thực hiện thu gom trong ngày.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kết hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 142/GPMT-UBND
ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng theo quy định.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Chịu trách nhiệm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận và đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nam Sách.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.